

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2023/DS-PT

Ngày 15 - 9 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Quốc Tuấn;

bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 309/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Thanh P – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P, sinh năm 1977; trú tại: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm: 1988; nơi cư trú: số A đường V, phường I, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: ông Mai Thành D, sinh năm 1972; trú tại: tổ I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Anh T, sinh năm 1986; trú tại: tổ H ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bà Cao Kim A, sinh năm 1978; trú tại: hẻm B khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Mai Thành D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-12-2022 ông Trần Thanh P và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai Q trình bày: Vào khoảng tháng 10/2021, Cửa hàng vật tư An Toàn tại xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh của hộ kinh doanh ông P và vợ là bà Cao Kim A đã bán cho ông D vật liệu xây dựng mà không phải thanh toán tiền trước. Ông D trực tiếp liên hệ mua hàng, cũng có lúc ông D nhắn tin mua hàng qua số điện thoại zalo của bà A số hàng cần mua và báo địa điểm giao hàng, thì cửa hàng sẽ cho giao hàng như yêu cầu của ông D. Sau khi mua hàng hai bên có chốt nợ và ông D ký nhận toàn bộ số tiền hàng đã mua, cụ thể ông D đã mua hàng như sau:

- Ngày 11/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 7.382.000 đồng;
 - Ngày 12/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 2.144.000 đồng;
 - Ngày 13/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 3.860.000 đồng;
 - Ngày 14/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 13.330.000 đồng;
 - Ngày 18/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 4.110.000 đồng và hoá đơn 1.505.000 đồng;
 - Ngày 19/10/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 5.056.000 đồng;
 - Ngày 01/11/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 8.487.000 đồng;
 - Ngày 10/11/2021, giao hàng với hoá đơn tiền hàng 7.920.000 đồng;
- Tổng cộng, ông D mua vật tư và nợ số tiền 53.794.000 đồng.

Mặc dù ông P có đến gặp ông D đòi tiền hàng nhiều lần nhưng không trả. Việc ông P cùng ông D đến gặp ông T là do ông D nhờ ông P, do đó ông D phải có trách nhiệm trả số tiền mua hàng 53.794.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài khoản nợ nêu trên thì ông D không nợ của ông P khoản tiền nào khác.

Bị đơn ông Mai Thành D trình bày:

Không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông P vì ông làm công ăn lương theo Hợp đồng lao động với Công ty H của ông T, việc mua vật liệu xây dựng của ông P là mua dùm cho ông Võ Anh T, không phải mua cho ông nên ông không đồng ý trả số tiền 53.794.000 đồng. Ông đề nghị buộc ông T phải có nghĩa

vụ trả cho ông P số tiền này. Các hoá đơn thì khi giao hàng có người làm công cho ông T nhận hàng ký tên, có hoá đơn ông ký tên nhận hàng, ông cũng là người làm công cho ông T nên đứng ra đặt hàng vật tư dùm cho ông T và giao hàng tại khu vực ông T xây dựng khu vui chơi của ông T. Ông có cùng ông P đi đến nhà ông T và ba bên có nói chuyện với nhau, ông ghi âm lại việc ông T xác nhận là mua hàng cho ông T, ông P đã trực tiếp giao bản công nợ cho ông T, nhưng do ông P đòi tiền ông T không được nên đòi ông trả tiền. Ông không đồng ý trả số tiền này vì không phải ông mua hàng sử dụng cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Kim A trình bày:

Bà và ông P là vợ chồng, ông P đứng tên chủ Cửa hàng vật liệu An Toàn và bà là người trực tiếp quản lý cửa hàng và bán hàng, ông D là khách mua hàng quen, ông D mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng An Toàn của ông P tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà chỉ biết ông D mua hàng và báo địa điểm giao hàng theo yêu cầu của ông D thì cửa hàng giao hàng, còn ông D cho rằng mua hàng dùm cho ông Võ Anh T thì bà không biết, vì không quen biết với ông T, không biết ông T là ai, khi giao dịch mua hàng ông D cũng không thông báo là mua hàng cho ông T hay ai khác, nên ông D là người mua hàng và phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã mua hàng 53.794.000 đồng. Sau khi chốt số nợ tiền hàng ông D còn viết giấy hẹn “Đồng ý trả 20 triệu trước tết”, nhưng chưa trả được số tiền nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh T vắng mặt không có ý kiến trình bày: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Võ Anh T như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa thông qua việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/ST-DS ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với ông Mai Thành D.

Buộc ông Mai Thành D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thanh P – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P số tiền 53.794.000 (Năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn) đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24-7-2023, ông Mai Thành D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc ông Võ Anh T có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ với cửa hàng sắt An Toàn và các khoản tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Thị Mai Q – Người đại diện theo ủy quyền của ông P không chấp nhận kháng cáo của ông D và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: ông Mai Thành D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Thành D trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh P vắng mặt, có người đại diện tham gia phiên tòa; bà Cao Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Võ Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà A và ông T.

[2] Về nội dung: ông Trần Thanh P là chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vật tư An Toàn có giao dịch mua bán vật liệu cho ông Mai Thành D, thể hiện qua các hóa đơn bán hàng ông D ký nhận hàng, tổng số tiền 53.794.000 đồng chưa thanh toán, bị đơn ông D cho rằng người mua vật liệu không phải là ông, ông chỉ mua dùm cho ông Võ Anh T, vì ông là người làm công dưới sự quản lý của ông T, do đó không đồng ý trả cho ông P số tiền hàng còn nợ, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số nợ trên.

[2.1] Xét thấy, các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện người mua hàng là ông D và ông D cũng xác nhận có mua hàng và còn nợ ông P số tiền 53.794.000 đồng, có cam kết trả trước 20.000.000 đồng nhưng sau đó không thực hiện.

[2.2] Việc ông D cho rằng người mua vật liệu không phải là ông, ông chỉ mua dùm ông Võ Anh T, vì ông là người làm công dưới sự quản lý của ông T và cung cấp đoạn ghi âm - bản giải trình cuộc nói chuyện giữa ba người, ông D, ông T và ông P có nội dung: ông D và ông P đến gặp ông T để đòi tiền vật liệu còn thiếu, ông T có nói sẽ kiểm tra lại và hứa trả số tiền trên nhưng các bên chỉ nói miệng không lập giấy tờ và sau đó ông T không trả tiền, không tiếp ông P nữa. Xét thấy, chứng cứ ông D cung cấp chưa đủ cơ sở để buộc ông T trả số tiền trên cho ông P theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D trả cho ông P số tiền 53.794.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Mai Thành D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Thành D

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 81/2023/ST-DS ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với ông Mai Thành D.

Buộc ông Mai Thành D trả cho ông Trần Thanh P – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P số tiền 53.794.000 (năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Thành D phải chịu số tiền 2.689.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm, tám mươi chín nghìn) đồng.

Ông Trần Thanh P - Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.344.000 (Một triệu, ba trăm, bốn mươi bốn nghìn) đồng tại biên lai thu số 0018099 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Thành D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018934 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Lê Hữu Chiến